

Số: *049* /TB-HĐQT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

Tên Công ty: **Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI**

Mã Chứng khoán: CLH

Trụ sở chính: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 0208 3829 154

- Số Fax: 0208 3829 056

Địa chỉ Website: [ximanglahien.com.vn](http://ximanglahien.com.vn)

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, gửi trình biến động lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 so với 6 tháng đầu năm 2019.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu: HĐQT; BKS; VP.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020  
Người thực hiện công bố thông tin  
**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**Nguyễn Văn Dũng**

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020  
và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

---

**MỤC LỤC**

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 43

134  
CÔ  
H NH  
P  
VIỆ  
XU

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 3 ngày 21/05/2014, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND được chia thành 10.000.000 cổ phần, danh sách cổ đông như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	5.138.300	51,38%
Các đối tượng khác	4.861.700	48,62%
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100%</b>

**2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
- Ông Hà Văn Chuyển	Ủy viên
- Ông Trịnh Quốc Bình	Ủy viên
- Bà Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc
- Ông Lê Bá Chức	Phó Giám đốc
- Ông Vũ Ngọc Bách	Phó Giám đốc
- Ông Trần Quang Khải	Phó Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng ban
- Ông Phạm Đình Tuấn	Ủy viên
- Bà Hoàng Thị Thúy	Ủy viên

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải cộng bổ và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ ;

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2020

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC**

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Dũng**

Số: 04 /2020/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2020

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được lập ngày 05/08/2020, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 được trình bày từ trang 8 đến trang 43 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tại ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Nguyễn Hồng Quang**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0576-2018-242-1

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>83.593.001.472</b>	<b>47.246.583.600</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.400.505.137	17.673.820.414
Tiền	111	5.1	7.400.505.137	17.673.820.414
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.554.499.465	17.039.504.140
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	42.673.162.445	17.267.060.621
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.388.605.299	132.077.659
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	752.569.023	842.311.741
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(1.259.837.302)	(1.201.945.881)
Hàng tồn kho	140	5.5	29.294.058.864	12.533.259.046
Hàng tồn kho	141		29.363.146.044	12.655.009.812
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(69.087.180)	(121.750.766)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.343.938.006	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.343.938.006	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>234.860.451.483</b>	<b>262.018.533.651</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		503.181.276	468.799.986
Phải thu dài hạn khác	216		503.181.276	468.799.986
Tài sản cố định	220		217.201.050.209	242.730.242.905
TSCĐ hữu hình	221	5.7	217.201.050.209	242.730.242.905
- Nguyên giá	222		925.972.787.992	925.972.787.992
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(708.771.737.783)	(683.242.545.087)
TSCĐ vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		1.632.274.438	1.632.274.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
Tài sản dở dang dài hạn	240		466.035.038	369.758.652
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	466.035.038	369.758.652
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		16.690.184.960	18.449.732.108
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	16.690.184.960	18.449.732.108
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>318.453.452.955</b>	<b>309.265.117.251</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

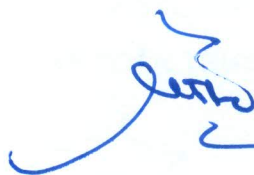
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>146.106.107.446</b>	<b>134.514.767.132</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>121.209.743.974</b>	<b>128.620.126.698</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	25.920.606.615	30.406.530.906
Người mua trả tiền trước	312		88.710.906	1.666.566.876
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	15.932.069.392	15.032.007.156
Phải trả người lao động	314		24.280.356.709	31.616.036.795
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	3.368.507.816	3.177.148.262
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	15.167.137.669	3.397.045.560
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	13.628.056.140	38.436.556.480
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		11.775.600.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.048.698.727	4.888.234.663
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24.896.363.472</b>	<b>5.894.640.434</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	24.447.602.488	5.480.260.740
Dự phòng phải trả dài hạn	342		448.760.984	414.379.694
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>172.347.345.509</b>	<b>174.750.350.119</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>172.347.345.509</b>	<b>174.750.350.119</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
Quỹ đầu tư phát triển	418		32.114.635.437	32.114.635.437
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.768.233.916	42.171.238.526
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.467.437.292	11.882.812.681
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.300.796.624	30.288.425.845
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>318.453.452.955</b>	<b>309.265.117.251</b>

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC


NGUYỄN THỊ HẰNG

LÊ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN VĂN DŨNG

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

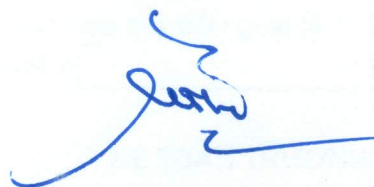
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	330.575.131.098	322.305.335.423
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV</b>	<b>10</b>		<b>330.575.131.098</b>	<b>322.305.335.423</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	288.419.927.617	280.411.376.754
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>42.155.203.481</b>	<b>41.893.958.669</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.041.405	2.214.607
Chi phí tài chính	22	6.4	2.804.479.104	4.191.437.975
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.278.571.623	4.191.397.469
Chi phí bán hàng	24	6.6	5.561.573.275	7.484.680.323
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	12.156.939.480	12.008.137.600
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>21.636.253.027</b>	<b>18.211.917.378</b>
Thu nhập khác	31	6.5	19.742.752	20.644.577
Chi phí khác	32		-	-
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>19.742.752</b>	<b>20.644.577</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>21.655.995.779</b>	<b>18.232.561.955</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	4.355.199.155	3.671.072.963
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>17.300.796.624</b>	<b>14.561.488.992</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.730	1.456

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC


NGUYỄN THỊ HẰNG

LÊ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN VĂN DŨNG

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

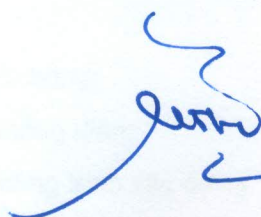
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		21.655.995.779	18.232.561.955
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		25.529.192.696	27.429.627.179
Các khoản dự phòng	03		11.815.209.125	6.700.874.684
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.041.405)	(2.214.607)
Chi phí lãi vay	06		2.278.571.623	4.191.397.469
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08		61.274.927.818	56.552.246.680
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.607.268.036)	(14.675.882.715)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.708.136.232)	(15.913.544.200)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(11.638.080.894)	(8.377.882.084)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		415.609.142	694.933.480
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.558.089.871)	(4.299.649.359)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.883.206.461)	(1.587.925.572)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		992.900.000	374.735.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.536.237.170)	(2.517.504.545)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(4.247.581.704)</b>	<b>10.249.526.685</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(96.276.386)	(37.473.549)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.041.405	2.214.607
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(92.234.981)</b>	<b>(35.258.942)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	191.077.451.591	259.314.091.425
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(196.918.610.183)	(239.885.969.549)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(92.340.000)	(16.910.455.563)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.933.498.592)</b>	<b>2.517.666.313</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(10.273.315.277)</b>	<b>12.731.934.056</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.673.820.414	1.637.597.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>7.400.505.137</b>	<b>14.369.532.028</b>

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HẰNG

LÊ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN VĂN DŨNG

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 30/06/2020, tổng số cán bộ công nhân viên Công ty là 577 người, trong đó số nhân viên quản lý là 48 người.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Tại ngày 30/06/2020, việc trích lập dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp".

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu chính                      Bình quân theo tháng
- Các hàng tồn kho còn lại                Phương pháp bình quân di động

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của bán thành phẩm tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### **4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

##### **4.5.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc:            5 - 25 năm
- Máy móc thiết bị                    5 - 20 năm
- Phương tiện vận tải                6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng                 5 năm

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty vẫn tiếp tục áp dụng khấu hao nhanh với hệ số là 2 cho các tài sản cố định là máy móc thiết bị.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

***Tài sản cố định vô hình***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài Công ty không trích khấu hao. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Tài sản cố định khác 5 năm

**4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, phí bảo hiểm, phí cấp quyền khai thác khoáng sản, phí sử dụng tài liệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

**4.10 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí phối hợp, phí sử dụng thương hiệu và chi phí phải trả khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.11 Dự phòng phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4.13 Vốn chủ sở hữu**

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 4600422240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và thay đổi lần thứ 3 ngày 21/05/2014, và cho đến ngày kết thúc kỳ tài chính các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	51.383.000.000	51.383.000.000	100%
Các cổ đông khác	48.617.000.000	48.617.000.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

**4.14 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.15 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm giá vốn của hoạt động sản xuất kinh doanh than, giá vốn cung cấp dịch vụ.

**4.16 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4.17 Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 10%

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong kỳ của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

***Các loại thuế khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**4.18 Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1. Tiền**

		<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	325.034.560	399.490.543
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	7.075.470.577	17.274.329.871
<b>Cộng</b>		<b><u>7.400.505.137</u></b>	<b><u>17.673.820.414</u></b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		325.034.560
<b>Cộng</b>		<b><u>325.034.560</u></b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		4.157.073.286
<i>Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		130.816.725
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.187.138.428
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.591.222.258
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		9.219.880
<b>Cộng</b>		<b><u>7.075.470.577</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.2. Phải thu khách hàng**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>42.673.162.445</b>	<b>17.267.060.621</b>
Ủy ban nhân dân xã Vũ Chấn	2.018.100.000	2.018.100.000
Ủy ban nhân dân xã Dân Tiến	1.707.860.000	1.707.860.000
Chi nhánh thương mại dịch vụ Cao Ngạn - Công ty CP xi măng Cao Ngạn	2.265.839.661	98.612.701
Công ty TNHH Nghị Hương	3.463.223.564	-
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Khải Lan	2.594.025.000	-
Công ty TNHH thương mại Hà Lượng	1.836.580.000	100.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	28.787.534.220	13.442.387.920
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.673.162.445</b>	<b>17.267.060.621</b>
<b>c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan chi tiết tại Phụ lục số 02</b>		

**5.3. Phải thu khác**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>752.569.023</b>	-	<b>842.311.741</b>	-
Phải thu người lao động	210.083.577	-	457.032.542	-
Tạm ứng	43.011.264	-	7.769.935	-
Các khoản khác	499.474.182	-	377.509.264	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>503.181.276</b>	-	<b>468.799.986</b>	-
Ký quỹ, ký cược	503.181.276	-	468.799.986	-
<b>Cộng</b>	<b>1.255.750.299</b>	-	<b>1.311.111.727</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.4. Nợ xấu**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;</b>	<b>1.267.937.302</b>	<b>8.100.000</b>	<b>1.352.912.302</b>	<b>150.966.421</b>
- Dưới 1 năm	-	-	-	-
- Từ 1 đến dưới 2 năm	-	-	-	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	27.000.000	8.100.000	503.221.402	150.966.421
<i>Công ty TNHH Lan Kim - Bắc Kạn</i>	27.000.000	8.100.000	27.000.000	8.100.000
<i>Công ty CP Tấm lợp và Vật liệu Xây dựng Thái Nguyên</i>	-	-	409.441.402	122.832.421
<i>Công ty TNHH Yên Lạc - Bắc Kạn</i>	-	-	66.780.000	20.034.000
- Từ 3 năm trở lên	1.240.937.302	-	849.690.900	-
<i>Công ty CP Tấm lợp và Vật liệu Xây dựng Thái Nguyên</i>	402.241.402	-	-	-
<i>Công ty TNHH Yên Lạc - Bắc Kạn</i>	66.780.000	-	-	-
<i>Công ty TNHH Dương Giang Thái Nguyên</i>	700.165.900	-	700.165.900	-
<i>Công ty TNHH Lâm Bình</i>	-	-	77.775.000	-
<i>Phòng tài chính Huyện Phổ Yên</i>	71.750.000	-	71.750.000	-

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.5. Hàng tồn kho**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.747.259.067	(69.087.180)	5.826.349.594	(121.750.766)
Công cụ, dụng cụ	64.572.667	-	30.993.257	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.297.425.089	-	6.797.666.961	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng gửi bán	1.253.889.221	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>29.363.146.044</b>	<b>(69.087.180)</b>	<b>12.655.009.812</b>	<b>(121.750.766)</b>

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 69.087.180 đồng. Nguyên nhân và hướng xử lý: Đây là các vật tư của các kho dây truyền, lò quay, thiết bị động cơ tồn đọng không sử dụng đến, bị mất phẩm chất không đáp ứng nhu cầu sử dụng. Hướng xử lý tiếp tục (nếu được) và thanh lý theo trình tự quản lý vật tư của Công ty.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ: 28.040.169.643 đồng.
- Số trích lập dự phòng giảm trong kỳ do Công ty đã thực hiện thanh lý vật tư ứ đọng mất phẩm chất không dùng đến.

**5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	466.035.038	369.758.652
<i>Dự án: Cân cấp than</i>	137.823.662	51.353.525
<i>Đường điện 35Kv và 0,4 Kv Mỏ đá Đồng Chuông</i>	77.211.376	67.405.127
<i>Thiết kế bản vẽ thi công mỏ sét Cúc Đường</i>	162.000.000	162.000.000
<i>Chi phí tư vấn cải tạo hệ thống cấp thoát nước</i>	89.000.000	89.000.000
- Sửa chữa lớn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>466.035.038</b>	<b>369.758.652</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	323.716.441.214	578.677.902.339	23.259.353.530	319.090.909	925.972.787.992
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng do điều chuyển nhóm	-	-	15.791.987.407	23.096.950.325	38.888.937.732
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm do điều chuyển nhóm	-	(38.888.937.732)	-	-	(38.888.937.732)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>323.716.441.214</b>	<b>539.788.964.607</b>	<b>39.051.340.937</b>	<b>23.416.041.234</b>	<b>925.972.787.992</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư đầu kỳ	203.356.487.446	456.307.613.202	23.259.353.530	319.090.909	683.242.545.087
- Khấu hao trong kỳ	5.103.659.038	20.371.035.640	54.498.018	-	25.529.192.696
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-
- Tăng do điều chuyển nhóm	-	-	15.692.900.101	23.096.950.325	38.789.850.426
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm do điều chuyển nhóm	-	(38.789.850.426)	-	-	(38.789.850.426)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>208.460.146.484</b>	<b>437.888.798.416</b>	<b>39.006.751.649</b>	<b>23.416.041.234</b>	<b>708.771.737.783</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	120.359.953.768	122.370.289.137	-	-	242.730.242.905
Tại ngày cuối kỳ	115.256.294.730	101.900.166.191	44.589.288	-	217.201.050.209
- GTCL thế chấp, cầm cố					205.606.209.703
- NG đã KH hết, đang sử dụng					364.413.436.934
- Chờ thanh lý					-



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.8. Tài sản cố định vô hình**

	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	1.632.274.438	1.632.274.438
- Mua trong kỳ	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-
- Tăng khác	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.632.274.438</b>	<b>1.632.274.438</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Số dư đầu kỳ	1.632.274.438	1.632.274.438
- Khấu hao trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.632.274.438</b>	<b>1.632.274.438</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:		-
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		1.632.274.438

**5.9. Chi phí trả trước**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.343.938.006</b>	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2020	1.343.938.006	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>16.690.184.960</b>	<b>18.449.732.108</b>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	389.913.452
Phí sử dụng tài liệu	1.255.961.631	1.293.398.505
Chi phí sửa chữa tuyến đường từ Mỏ Đồng Chuống ra Quốc lộ 1B	1.419.559.525	1.992.089.053
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	14.014.663.804	14.774.331.098
<b>Cộng</b>	<b>18.034.122.966</b>	<b>18.449.732.108</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**  
Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.10. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2020 (VND)		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2020 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a. Gốc vay ngắn hạn</b>	<b>15.939.438.800</b>	<b>15.939.438.800</b>	<b>180.408.124.907</b>	<b>194.709.583.431</b>	<b>1.637.980.276</b>	<b>1.637.980.276</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	15.504.993.653	15.504.993.653	144.805.330.732	159.310.324.385	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	5.181.283	5.181.283	12.591.299.744	12.307.451.827	289.029.200	289.029.200
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	429.263.864	429.263.864	23.011.494.431	23.091.807.219	348.951.076	348.951.076
<b>b. Gốc vay dài hạn</b>	<b>27.977.378.420</b>	<b>27.977.378.420</b>	<b>10.669.326.684</b>	<b>2.209.026.752</b>	<b>36.437.678.352</b>	<b>36.437.678.352</b>
Từ 1 năm đến 5 năm	27.977.378.420	27.977.378.420	10.669.326.684	2.209.026.752	36.437.678.352	36.437.678.352
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	2.000.000.000	800.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên	-	-	7.500.000.000	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Vay cá nhân	27.977.378.420	27.977.378.420	1.169.326.684	1.409.026.752	27.737.678.352	27.737.678.352
<b>Cộng</b>	<b>43.916.817.220</b>	<b>43.916.817.220</b>	<b>191.077.451.591</b>	<b>196.918.610.183</b>	<b>38.075.658.628</b>	<b>38.075.658.628</b>



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

	01/01/2020 (VND)		30/06/2020 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>22.497.117.680</b>	<b>22.497.117.680</b>	<b>11.990.075.864</b>	<b>11.990.075.864</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Vay cá nhân	22.497.117.680	22.497.117.680	10.790.075.864	10.790.075.864
<b>d. Số dư tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>43.916.817.220</b>	<b>43.916.817.220</b>	<b>38.075.658.628</b>	<b>38.075.658.628</b>
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	38.436.556.480	38.436.556.480	13.628.056.140	13.628.056.140
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	5.480.260.740	5.480.260.740	24.447.602.488	24.447.602.488

**5.11. Phải trả người bán**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>25.920.606.615</b>	<b>25.920.606.615</b>	<b>30.406.530.906</b>	<b>30.406.530.906</b>
Công ty CP vật liệu xây dựng Bắc Thái	4.532.968.147	4.532.968.147	2.654.821.658	2.654.821.658
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	3.297.360.000	3.297.360.000	2.668.682.016	2.668.682.016
Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà	2.755.500.000	2.755.500.000	-	-
Công ty TNHH Bình Dương	1.668.319.400	1.668.319.400	959.126.685	959.126.685
Công ty CP Công nghiệp Hoa Nam	1.333.200.000	1.333.200.000	673.425.000	673.425.000
Doanh nghiệp tư nhân Trung Lương	1.258.286.947	1.258.286.947	951.324.962	951.324.962
Công ty TNHH Vân Long	1.223.238.600	1.223.238.600	684.850.650	684.850.650
Công ty CP Đầu tư khoáng sản Đại Dương	242.400.000	242.400.000	2.223.549.900	2.223.549.900
Công ty CP Công nghệ Thành Thiên	91.532.111	91.532.111	7.871.762.100	7.871.762.100
Các nhà cung cấp khác	9.517.801.410	9.517.801.410	11.718.987.935	11.718.987.935
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.920.606.615</b>	<b>25.920.606.615</b>	<b>30.406.530.906</b>	<b>30.406.530.906</b>

**c. Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết tại phụ lục số 02**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>01/01/2020</u> <u>(VND)</u>	<u>Số phải nộp</u> <u>trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp</u> <u>trong kỳ</u>	<u>30/06/2020</u> <u>(VND)</u>
Thuế giá trị gia tăng	6.935.352.914	9.985.608.852	8.696.160.737	8.224.801.029
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.011.191.638	4.355.199.155	4.883.206.461	5.483.184.332
Thuế thu nhập cá nhân	358.816.187	256.395.739	563.901.730	51.310.196
Thuế tài nguyên	1.314.211.107	1.592.832.308	1.254.608.889	1.652.434.526
Thuế đất và tiền thuê đất	-	444.764.963	444.764.963	-
Quyền khai thác khoáng sản	-	2.700.342.575	2.700.342.575	-
Phí bảo vệ môi trường	412.435.310	505.859.626	397.955.627	520.339.309
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>15.032.007.156</u></b>	<b><u>19.850.003.218</u></b>	<b><u>18.949.940.982</u></b>	<b><u>15.932.069.392</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.13. Chi phí phải trả**

	<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.368.507.816</b>	<b>3.177.148.262</b>
Lãi vay	1.206.791.146	1.486.310.863
Chi phí điện năng tiêu thụ	1.832.547.175	1.163.021.720
Các khoản khác	329.169.495	527.815.679
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>3.368.507.816</u></b>	<b><u>3.177.148.262</u></b>

**5.14. Phải trả khác**

	<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>15.167.137.669</b>	<b>3.397.045.560</b>
Kinh phí công đoàn	181.168.800	83.929.180
Cổ tức trả cổ đông	12.680.750.750	770.886.750
Các khoản khác	2.305.218.119	2.542.229.630
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>15.167.137.669</u></b>	<b><u>3.397.045.560</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.15. Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ SH VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>464.476.156</b>	<b>32.114.635.437</b>	<b>31.192.503.259</b>	<b>163.771.614.852</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	42.171.238.526	42.171.238.526
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(31.192.503.259)	(31.192.503.259)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>464.476.156</b>	<b>32.114.635.437</b>	<b>42.171.238.526</b>	<b>174.750.350.119</b>
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	17.300.796.624	17.300.796.624
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(19.703.801.234)	(19.703.801.234)
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>464.476.156</b>	<b>32.114.635.437</b>	<b>39.768.233.916</b>	<b>172.347.345.509</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	51.383.000.000	51.383.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	48.617.000.000	48.617.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000

**Cổ tức, lợi nhuận đã chia****Cổ phiếu**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	32.114.635.437	32.114.635.437

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>330.575.131.098</b>	<b>322.305.335.423</b>
Doanh thu bán hàng	329.660.518.213	321.120.113.384
Doanh thu cung cấp dịch vụ	914.612.885	1.185.222.039

**6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	288.166.070.026	277.812.091.439
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	253.857.591	417.782.291
Tiền cấp quyền	-	2.225.552.827
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(44.049.803)
<b>Cộng</b>	<b>288.419.927.617</b>	<b>280.411.376.754</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lãi tiền gửi	4.041.405	2.214.607
<b>Cộng</b>	<b>4.041.405</b>	<b>2.214.607</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lãi tiền vay	2.278.571.623	4.191.397.469
Chi phí tài chính khác	525.907.481	40.506
<b>Cộng</b>	<b>2.804.479.104</b>	<b>4.191.437.975</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6.5 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Các khoản khác	19.742.752	20.644.577
<b>Cộng</b>	<b>19.742.752</b>	<b>20.644.577</b>

**6.6 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>12.156.939.480</b>	<b>12.008.137.600</b>
Chi phí nhân viên	8.054.835.500	7.618.895.000
Chi phí khác bằng tiền	3.215.309.305	3.701.496.438
Các khoản khác	886.794.675	687.746.162
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>5.561.573.275</b>	<b>7.484.680.323</b>
Chi phí nhân viên	1.714.136.395	1.787.067.210
Chi phí vật liệu	1.896.908.193	3.145.134.287
Chi phí khác bằng tiền	1.529.621.704	2.122.094.719
Các khoản khác	420.906.983	430.384.107
<b>c. Các khoản ghi giảm Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>17.718.512.755</b>	<b>19.492.817.923</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	214.915.453.628	226.222.936.626
Chi phí nhân công	43.698.535.222	42.378.898.398
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.529.192.696	27.429.627.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.276.222.536	4.288.582.002
Chi phí dự phòng sửa chữa TSCĐ	12.038.850.000	7.289.978.890
Chi phí khác bằng tiền	11.427.238.606	8.943.346.048
<b>Cộng</b>	<b>323.885.492.688</b>	<b>316.553.369.143</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.655.995.779	18.232.561.955
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	120.000.000	122.802.865
<i>Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	120.000.000	-
<i>Chi phí không hợp lý</i>	-	122.802.865
- Thu nhập chịu thuế	21.775.995.779	18.355.364.820
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	21.775.995.779	18.355.364.820
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.355.199.156	3.671.072.963
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.355.199.155</b>	<b>3.671.072.963</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	17.300.796.624	14.561.488.992
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	17.300.796.624	14.561.488.992
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.730</b>	<b>1.456</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 191.077.451.591 VND

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:**

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 196.918.610.183 VND

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch vay, trả nợ gốc vay, mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

## (iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 30/06/2020</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.400.505.137		7.400.505.137
Phải thu khách hàng	42.673.162.445	-	42.673.162.445
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	752.569.023	503.181.276	1.255.750.299
Tài sản tài chính khác			-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.259.837.302)	-	(1.259.837.302)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.566.399.303</b>	<b>503.181.276</b>	<b>50.069.580.579</b>
<b>Ngày 30/06/2020</b>			
Các khoản vay và nợ	13.628.056.140	24.447.602.488	38.075.658.628
Phải trả người bán	25.920.606.615	-	25.920.606.615
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	18.535.645.485	-	18.535.645.485
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.084.308.240</b>	<b>24.447.602.488</b>	<b>82.531.910.728</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(8.517.908.937)</b>	<b>(23.944.421.212)</b>	<b>(32.462.330.149)</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 01/01/2020</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.673.820.414	-	17.673.820.414
Phải thu khách hàng	17.267.060.621	-	17.267.060.621
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	842.311.741	468.799.986	1.311.111.727
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.201.945.881)	-	(1.201.945.881)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.581.246.895</b>	<b>468.799.986</b>	<b>35.050.046.881</b>
<b>Ngày 01/01/2020</b>			
Các khoản vay và nợ	38.436.556.480	5.480.260.740	43.916.817.220
Phải trả người bán	30.406.530.906	-	30.406.530.906
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	6.574.193.822	414.379.694	6.988.573.516
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.417.281.208</b>	<b>5.894.640.434</b>	<b>81.311.921.642</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(40.836.034.313)</b>	<b>(5.425.840.448)</b>	<b>(46.261.874.761)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

## (iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	42.673.162.445	17.267.060.621	41.413.325.143	16.065.114.740
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.255.750.299	1.311.111.727	1.255.750.299	1.311.111.727
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán			-	-
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	7.400.505.137	17.673.820.414	7.400.505.137	17.673.820.414
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.329.417.881</b>	<b>36.251.992.762</b>	<b>50.069.580.579</b>	<b>35.050.046.881</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	38.075.658.628	43.916.817.220	38.075.658.628	43.916.817.220
<i>Phải trả người bán</i>	25.920.606.615	30.406.530.906	25.920.606.615	30.406.530.906
<i>Phải trả khác</i>	18.535.645.485	6.988.573.516	18.535.645.485	6.988.573.516
<b>Tổng cộng</b>	<b>82.531.910.728</b>	<b>81.311.921.642</b>	<b>82.531.910.728</b>	<b>81.311.921.642</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**8.2 Báo cáo bộ phận**

Trong kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker, hoạt động kinh doanh dịch vụ điện, nước chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này), do đó công ty không trình bày báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**8.3 Thông tin về các bên có liên quan**

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Bảng kê các giao dịch mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan
- Phụ biểu 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan.

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	590.265.000
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị,	124.560.000
Thù lao, lương và thưởng của Ban Kiểm soát	166.290.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>881.115.000</b>

**8.4 Những sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**8.5 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

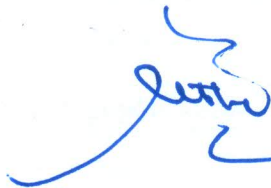
Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HẰNG

LÊ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN VĂN DŨNG

**BẢNG KÊ GIAO DỊCH MUA BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**  
 Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
A	Tổng mua	90.826.519.459
1	Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	22.720.000
	Hàng hoá	22.720.000
2	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV- CTCP	123.938.846
	Dịch vụ	123.938.846
3	Công ty CP Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	26.874.064.070
	Hàng hoá	26.874.064.070
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	136.600.000
	Hàng hoá	136.600.000
5	Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	404.162.550
	Hàng hoá	404.162.550
6	Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên VVMI	552.641.816
	Dịch vụ	552.641.816
7	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	1.622.727
	Dịch vụ	1.622.727
8	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	58.569.943.560
	Hàng hoá	58.569.943.560
9	Công ty Than Khánh hoà - VVMI	1.864.752.300
	Hàng hoá	1.864.752.300
10	Trường Quản trị Kinh Doanh - Vinacomin	6.738.000
	Dịch vụ	6.738.000
11	Trung tâm điều dưỡng ngành than	101.629.637
	Dịch vụ	101.629.637
12	Bệnh viện Than - Khoáng Sản	185.111.500
	Dịch vụ	185.111.500
13	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	1.982.594.453
	Hàng hoá	92.406.920
	Dịch vụ	1.890.187.533
B	Tổng bán	284.700.000
1	Công ty Than Khánh hoà - VVMI	284.700.000
	Dịch vụ	284.700.000

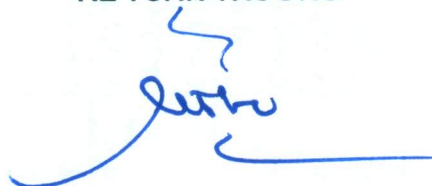
Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN THỊ HẰNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ THU HIỀN

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN DŨNG

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**  
 Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ			
		131	138	331	338
<b>A</b>	<b>PHẢI THU</b>	-	-	<b>235.139.743</b>	<b>40.738.000</b>
<b>I</b>	<b>NGẮN HẠN</b>	-	-	<b>235.139.743</b>	<b>40.738.000</b>
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	235.139.743	-
2	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	-	-	-	40.738.000
<b>II</b>	<b>DÀI HẠN</b>	-	-	-	-
<b>B</b>	<b>PHẢI TRẢ</b>	-	-	<b>4.460.192.912</b>	<b>6.763.732.659</b>
<b>I</b>	<b>NGẮN HẠN</b>	-	-	<b>4.460.192.912</b>	<b>6.763.732.659</b>
1	Công ty CP Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMİ	-	-	3.297.360.000	597.772.659
2	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	-	-	-	6.165.960.000
3	Công ty Than Khánh Hoà - VVMİ	-	-	296.672.112	-
4	Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	-	-	133.641.475	-
5	Trường Quản trị Kinh Doanh - Vinacomin	-	-	2.246.000	-
6	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	-	-	730.273.325	-
<b>II</b>	<b>DÀI HẠN</b>	-	-	-	-

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN THỊ HẰNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ THU HIỀN

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN DŨNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số: 06.53/CLH-KTTKTC

“V/v : Giải trình biến động lợi nhuận  
sau thuế so với cùng kỳ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2020

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI  
Trụ sở chính: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 02803.829.154

Fax: 02803.829.056

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI

Mã chứng khoán: **CLH**

Nội dung giải trình:

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố như sau:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2020	% tăng(+); giảm(-)
1	Lợi nhuận sau thuế	14.561.488.992	17.300.796.624	18,81%

Nguyên nhân: Mặc dù sản lượng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm 6 tháng đầu năm 2020 chỉ tăng ~ 2,5% so với cùng kỳ năm trước nhưng lợi nhuận sau thuế lại tăng 18,81% so với cùng kỳ do có các yếu tố tác động chính như: giảm được chi phí tài chính và đặc biệt nhận được chính sách hỗ trợ của Chính Phủ về giảm giá tiền điện trong quý II do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19; bên cạnh đó việc giãn cách xã hội trong thời gian dịch bệnh cũng đã giúp Công ty cơ cấu chủng loại sản phẩm tiêu thụ và vùng thị trường có lợi với Công ty. Những yếu tố đó đã giúp Công ty nâng cao được lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, (website);
- Lưu: VP, KTTKTC.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



**NGUYỄN VĂN DŨNG**